| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Bản án số: 121/2024/DS-PT**
**Ngày: 16 - 7 - 2024**
**V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thọ
Bà Đào Thị Thủy

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang***: Bà Phùng Bích Tuyền – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 91/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 197/2023/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn L; Địa chỉ ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn QL; Địa chỉ ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn VL; Địa chỉ ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

*3. Người làm chứng:*

3.1. Ông Nguyễn S; Địa chỉ khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Ông Bùi T; Địa chỉ ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3.3. Ông Nguyễn T; Địa chỉ ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3.4. Ông Nguyễn H; Địa chỉ ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn VL.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Trong đơn khởi kiện ngày 07/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn L trình bày:* Trước đây bà Nguyễn L có 3,5 công lúa loại RBT, vào tháng 3 năm 2023 bà L có thỏa thuận miệng bán lúa cho ông Bùi T với giá 7.200$^{đ}$ /kg, không có nhận cọc. Ngày 18/3/2023 thì bà L cắt lúa và cân cho thương lái do ông Tửng dẫn đến. Tổng số lượng lúa bà L cân cho thương lái là 2.054kg, với số tiền là 14.788.000$^{đ}$. Sau khi cân lúa xong thì thương lái có trả cho bà L số tiền mặt là 14.788.000$^{đ}$ nhưng ông Nguyễn VL đã lấy hết số tiền này và chỉ đồng ý đưa lại cho bà L số tiền 9.788.000$^{đ}$, tức trừ lại 5.000.000$^{đ}$ tiền cọc nên bà L không đồng ý. Lúc này, bà L không cho ghe lúa đi và nhờ chính quyền địa phương chặn ghe lại, thì ông VL có hứa là chiều cùng ngày sẽ lên trả đủ cho bà L số tiền 14.788.000$^{đ}$ nên bà L đã cho ghe lúa đi. Tuy nhiên, sau đó ông VL đã không thực hiện lời hứa và chiếm dụng luôn số tiền 14.788.000$^{đ}$ của bà L cho đến nay không trả. Bà Nguyễn L cho rằng việc ông Nguyễn VL chiếm giữ số tiền nêu trên của bà L là trái pháp luật. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông VL có nghĩa vụ trả lại cho bà L số tiền 14.788.000$^{đ}$.

*Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn ông Nguyễn VL trình bày:* Trước đây ông Nguyễn VL có thỏa thuận miệng mua của ông Nguyễn H và ông Nguyễn T (con bà L) 25 công lúa RBT với giá 7.200$^{đ}$/kg. Trong số lúa này có phần lúa của bà L, khi mua bán ông VL có đặt cọc cho ông H và ông T số tiền 10.000.000$^{đ}$. Ông VL là cò lúa, mặc dù ông VL là người trực tiếp đứng ra thỏa thuận mua lúa, nhưng thực tế là ông VL mua cho thương lái. Trong số lúa ông VL mua của ông H và ông T thì cắt đến đâu thương lái đã trả đủ tiền lúa đến đó. Riêng phần lúa của bà L là cắt sau cùng được số lượng lúa là 2.054kg, tương ứng với giá trị số tiền là 14.788.000$^{đ}$. Đối với số tiền cọc 10.000.000$^{đ}$, do chủ ghe không lấy lúa ở đầu trên kinh nên đã tự nguyện bỏ cọc 5.000.000 đồng, còn 5.000.000$^{đ}$ cọc thì

trừ vào số lúa cuối cùng của bà L, nên số tiền còn lại bà L được nhận là 9.788.000đ. Khi cân lúa xong thì thương lái tên Sơn có đưa cho ông VL số tiền 9.788.000đ để trả cho bà L nhưng bà L không chịu nhận, nên ông VL đã đưa lại số tiền này cho ông Sơn (khi đưa tiền lại cho ông Sơn ông VL không có làm giấy tờ biên nhận gì). Tại phiên tòa sơ thẩm ông VL ông VL xác định hiện tại ông còn đang giữ số tiền bán lúa của bà L là 9.788.000đ, ông chỉ đồng ý trả lại cho bà L số tiền 9.788.000đ.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 197/2023/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn L. Buộc ông Nguyễn VL có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn L số tiền 14.788.000đ (Mười bốn triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn VL có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 9.788.000đ (Chín triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

*Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự trình bày như sau:*

Bị đơn ông Nguyễn VL cho rằng có thoả thuận với ông Nguyễn Văn Hoài và ông Nguyễn T là con của nguyên đơn bà Nguyễn L, thống nhất mua lúa của ông T và ông H, trong đó có mua lúa của bà L. Do chủ ghe không lấy lúa của ông H nên chịu mất cọc 5.000.000đ. Còn ông T sống chung bà L ghe đã cân đủ thì phải trừ phần cọc nên bà L yêu cầu Toà án , bị đơn không đồng ý.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bảo lưu ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị Toà án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người làm chứng ông Nguyễn T trình bày: Không thừa nhận có nhận tiền cọc lúa của ông Nguyễn VL.

Người làm chứng ông Nguyễn H trình bày: Thừa nhận có nhận tiền cọc lúa của ông Nguyễn VL là 10.000.000đ, đây là khoản tiền của ông nhận không liên quan đến bà Nguyễn L.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng, quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Các đương sự đã thừa nhận vào ngày 18/3/2023 bà Nguyễn L có bán và giao lúa cho thương lái tên Nguyễn S do ông Nguyễn VL làm môi giới với số lượng lúa là 2.054kg, loại lúa RBT, với giá 7.200đ/kg tổng số tiền lúa là 14.788.000đ. Bị đơn ông Nguyễn VL cho rằng có thoả thuận với ông T và ông H đã đặt cọc, trong đó có phần lúa của bà L. Tuy nhiên, ông T, ông H không thừa nhận cọc đó để mua lúa của bà L. Bị đơn ông Nguyễn VL là người kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn VL.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận vào ngày 18/3/2023 bà Nguyễn L có bán và giao lúa cho thương lái tên Nguyễn S do ông Nguyễn VL làm môi giới với số lượng lúa là 2.054kg, loại lúa RBT, với giá 7.200đ/kg tổng số tiền lúa là 14.788.000đ. Sự thừa nhận của các đương sự làm căn cứ giải quyết vụ án phù hợp với Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Mặc dù thừa nhận số lúa và số tiền bà L bán lúa là 14.788.000đ; nhưng ông Nguyễn VL cho rằng, trước đó ông VL có thỏa thuận miệng mua của ông Nguyễn H và ông Nguyễn T (con bà L), trong đó có phần lúa của bà L. Ông VL có đặt cọc cho ông H và ông T số tiền 10.000.000đ. Do chủ ghe không lấy lúa ở đầu trên kinh nên bỏ cọc 5.000.000đ đồng, còn 5.000.000đ cọc thì trừ vào số lúa cuối cùng trong đó cân lúa của bà L là hộ cuối cùng, nên số tiền còn lại bà L được nhận là 9.788.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy, ông VL thừa nhận bà L bán lúa được với số tiền 14.788.000đ, nhưng ông cho rằng trừ cọc hết 5.000.000đ, nhưng không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào chứng minh bà L có giao dịch với ông, không chứng minh bà L có nhận cọc, không chứng minh việc thỏa thuận cọc như thế  nào; ông cho rằng có thỏa thuận giao dịch mua bán lúa và nhận cọc từ ông với ông H và ông T đây là giao dịch của ông với các hộ này

việc trừ tiền vào tiền lúa của bà L không được bà L thừa nhận do đó ông phải có trách nhiệm trả đủ số tiền cho bà L như cấp sơ thẩm đã giải quyết là có căn cứ. Giao dịch của ông VL với ông H và ông T nếu có và phát sinh tranh chấp ông VL có quyền khởi kiện vào vụ kiên khác.

[3] Xét thấy, bà L đã bán được số lúa tương đương với số tiền các bên thừa nhận nhưng không được nhận tiền đủ là không hợp lý và càng không hợp lý hơn khi bị trừ một khoảng tiền mà bà không có nhận cọc từ ông VL; Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu và được cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ. Ông VL kháng cáo nhưng không chứng minh được lý do trừ tiền của bà L nên kháng cáo không được chấp nhận. Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn VL.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 197/2023/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn L. Buộc ông Nguyễn VL có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn L số tiền 14.788.000$^{đ}$ (Mười bốn triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn VL có nghĩa vụ chịu 739.000 đồng (Bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn VL phải chịu là 300.000$^{đ}$ (Ba trăm nghìn đồng), chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000682 ngày 20 tháng 11 năm 2023

của Chi Cục Thi hành dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 16 tháng 07 năm 2024.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS TP. Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Hoàng Khải**